

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/KDTM-ST

Ngày: 11-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

2. Ông Đặng Hữu Tấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2020/TLST-KDTM ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2020/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (Ngân hàng B)

Trụ sở: Số 35 đường V, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T1, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Bé T2, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng B Chi nhánh An Giang (Theo Quyết định số 804/QĐ-B ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng B)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Phước H1, chức vụ: Phó Phòng quản lý rủi ro – Ngân hàng B Chi nhánh An Giang (Theo Quyết định số 780/QĐ-B.AG ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Ngân hàng B Chi nhánh An Giang)

**- Bị đơn:** Ông Huỳnh Duy T3, sinh năm 1981

Cư trú: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Kim M2, sinh năm 1981

Cư trú: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang

*Tại phiên tòa, ông Nguyễn Phước H1 có mặt, ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2 đều vắng mặt*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, Ngân hàng B do ông Nguyễn Phước H1 đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngân hàng B Chi nhánh An Giang và ông Huỳnh Duy T3 có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/4855855/HĐTD ngày 03 tháng 4 năm 2018 với hạn mức vay là: 900.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.3/2018/4855855/HĐTD ngày 22 tháng 02 năm 2019 với số tiền vay là 900.000.000 đồng. Cụ thể:

- Số tiền vay là 900.000.000 đồng

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm.

- Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng hoặc kể từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 03 tháng 4 năm 2019 (Thời hạn vay/thời hạn bảo lãnh, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể/Cam kết bảo lãnh)

+ Thời hạn hạn mức: 12 tháng

+ Thời hạn vay: 05 tháng (ngày giải ngân: 22/02/2019; ngày đáo hạn: 22/7/2019)

- Lãi suất vay trong hạn: 8,2%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng cụ thể.

- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Để đảm bảo khoản vay trên, ông T3 và bà Trần Kim M2 ký kết Hợp đồng thế chấp số 01/2018/4855855/HĐBĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 với Ngân hàng B để thế chấp các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp NL, xã M, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thửa số 5382, tờ bản đồ số 3, diện tích 4050m<sup>2</sup>, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01350 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 05 tháng 5 năm 2015 cho ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2.

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thửa số 4436, tờ bản đồ số 3, diện tích 4875m<sup>2</sup>, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01825 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22 tháng 5 năm 2015 cho ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2.

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thửa số 4435, tờ bản đồ số 3, diện tích 3376m<sup>2</sup>, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01868 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22 tháng 5 năm 2015 cho ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2.

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp Th, xã G, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thửa số 274, tờ bản đồ số 70, diện tích 3635m<sup>2</sup>, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04729 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25 tháng 5 năm 2015 cho ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2.

Đến ngày 22 tháng 02 năm 2019, ông T3 đã nhận đủ số tiền vay là 900.000.000 đồng. Từ lúc vay đến nay, ông T3 đã trả tổng cộng tiền lãi là 23.252.055 đồng. Sau đó, ông T3 không trả vốn gốc và lãi nữa. Do ông T3 vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng B yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2 phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng B số tiền là 924.364.110 đồng, trong đó bao gồm: vốn gốc là 900.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 16 tháng 9 năm 2019 là 24.364.110 đồng; và yêu cầu ông T3, bà M2 phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 22 tháng 9 năm 2019 cho đến khi trả hết nợ.

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số: 01/2018/4855855/HĐBĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 được ký giữa Ngân hàng B – Chi nhánh An Giang với bên thế chấp là ông T3, bà M2 đã được Văn phòng công chứng D, huyện C, tỉnh An Giang chứng nhận ngày 04 tháng 4 năm 2018 để đảm bảo cho việc thi hành án.

*Bị đơn ông Huỳnh Duy T3:* Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Kim M2:* Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không lý do, đồng thời Ngân hàng B có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Ngân hàng B do ông Nguyễn Phước H1 đại diện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông T3 và bà M2 phải thanh toán cho Ngân hàng B tổng số tiền tạm tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2020 là 1.035.670.686 đồng (trong đó, nợ gốc: 900.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 6.874.521 đồng, nợ lãi quá hạn: 116.462.466 đồng, nợ lãi chậm trả: 12.333.699 đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo việc thi hành án.

- Ông T3 và bà M2 đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Ông T3 và Ngân hàng B có ký kết các hợp đồng tín dụng với số tiền vay là 900.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T3 chỉ trả được 23.252.055 đồng tiền lãi. Do ông T3 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng B yêu cầu Tòa án buộc ông T3, bà M2 phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng B số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, lãi chậm trả tổng cộng 1.035.670.686 đồng và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp là có căn cứ.

Mặc dù chỉ có ông T3 ký tên vay, tuy nhiên mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh. Ông T3 và vợ là bà M2 có lập hợp đồng thế chấp bất động sản thuộc quyền sử dụng của ông, bà để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với Ngân hàng từ các hợp đồng tín dụng được ký kết.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì tài sản thế chấp hiện do ông T3, bà M2 quản lý, đào hầm nuôi cá (bỏ trống, không xây dựng công trình kiến trúc).

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bị đơn vay tiền với mục đích sử dụng hoạt động kinh doanh, bị đơn có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 01/2018/4855855/HĐTD ngày 03 tháng 4 năm 2018, các bên “...thống nhất Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Giữa Ngân hàng B Chi nhánh An Giang và ông Huỳnh Duy T3 có xác lập các hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/4855855/HĐTD ngày 03 tháng 4 năm 2018 và Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.3/2018/4855855/HĐTD ngày 22 tháng 02 năm 2019, để ông Huỳnh Duy T3 vay số tiền 900.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm; thời hạn vay: 05 tháng (ngày giải ngân: 22/02/2019;

ngày đáo hạn: 22/7/2019); lãi suất vay trong hạn: 8,2%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng tín dụng cụ thể; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả): 10%/năm. Vào ngày 22 tháng 02 năm 2019, ông T3 đã nhận đủ số tiền vay là 900.000.000 đồng. Từ lúc nhận tiền vay cho đến nay, ông T3 đã trả tổng cộng tiền lãi là 23.252.055 đồng và không tiếp tục trả vốn, lãi nữa. Như vậy, ông T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng B nên yêu cầu trả số tiền vốn, lãi của Ngân hàng B là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1] Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, bị đơn ông T3 không thể hiện ý kiến bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

[3.2] Về nghĩa vụ liên đới của ông T3 và bà M2, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông T3 vay tiền với mục đích “Bổ sung vốn kinh doanh mua bán thức ăn thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm”. Ông T3 có đăng ký kinh doanh là Hộ kinh doanh, thể hiện số tiền vay vốn được ông T3 sử dụng nhằm tạo nguồn thu nhập, phục vụ đời sống gia đình. Mặt khác, khi ông T3 vay tiền, ông T3 và bà M2 cùng đồng ý xác lập hợp đồng thế chấp các bất động sản thuộc quyền sử dụng của ông, bà để đảm bảo cho việc thực hiện theo các hợp đồng tín dụng ông T3 đã ký với Ngân hàng B. Do đó, việc trả nợ cho Ngân hàng B là nghĩa vụ chung của vợ chồng ông T3, bà M2 theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B: Buộc ông T3 và bà M2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng B số tiền cụ thể tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (10 tháng 8 năm 2020) như sau:

- Vốn gốc: 900.000.000 đồng
- Tiền lãi trong hạn (tính từ ngày 18 tháng 6 năm 2019 đến ngày 22 tháng 7 năm 2019):  $900.000.000 \text{ đồng} \times 8,2\%/\text{năm} \times 34 \text{ ngày} = 6.874.521 \text{ đồng}$
- Tiền lãi quá hạn (tính từ ngày 23 tháng 7 năm 2019 đến ngày 10 tháng 8 năm 2020):  $900.000.000 \text{ đồng} \times 8,2\%/\text{năm} \times 150\% \times 384 \text{ ngày} = 116.462.466 \text{ đồng}$
- Tiền lãi chậm trả (áp dụng với số tiền lãi chậm trả):  $(6.874.521 \text{ đồng} + 116.462.466 \text{ đồng}) \times 10\%/\text{năm} = 12.333.699 \text{ đồng}$
- Tổng cộng vốn, lãi phải trả (tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2020): 1.035.670.686 đồng.

[3.4] Từ ngày xét xử sơ thẩm (11 tháng 8 năm 2020), ông T3 và bà M2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/4855855/HĐTD ngày 03 tháng 4 năm 2018 và Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01.3/2018/4855855/HĐTD ngày 22 tháng 02 năm 2019 cho đến khi ông T3 và bà M2 thanh toán xong khoản nợ.

[3.5] Đối với việc thế chấp tài sản, Hội đồng xét xử nhận thấy: Để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nêu trên, ông T3 và bà M2 đã xác lập

Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/4855855/HĐBĐ để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất với:

- Thửa đất tọa lạc tại ấp NL, xã M, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thửa số 5382, tờ bản đồ số 3, diện tích 4050m<sup>2</sup>, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01350 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 05 tháng 5 năm 2015 cho ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2.

- Thửa đất tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thửa số 4436, tờ bản đồ số 3, diện tích 4875m<sup>2</sup>, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01825 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22 tháng 5 năm 2015 cho ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2.

- Thửa đất tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thửa số 4435, tờ bản đồ số 3, diện tích 3376m<sup>2</sup>, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01868 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22 tháng 5 năm 2015 cho ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2.

- Thửa đất tọa lạc tại ấp Th, xã G, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thửa số 274, tờ bản đồ số 70, diện tích 3635m<sup>2</sup>, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04729 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25 tháng 5 năm 2015 cho ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2.

[3.6] Đây là những tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T3, bà M2 theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp. Các Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ cùng ngày 08 tháng 5 năm 2020 thể hiện những thửa đất nêu trên hiện nay do ông T3 quản lý, sử dụng và không xây dựng vật kiến trúc trên đất.

[3.7] Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/4855855/HĐBĐ được hai bên tự nguyện xác lập, đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Lý Thanh D, huyện C và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh C là phù hợp với quy định tại điểm g khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai năm 2013 và điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm nên được công nhận. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án là có cơ sở chấp nhận.

[3.8] Vì vậy, nếu ông T3 và bà M2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/4855855/HĐBĐ sẽ được xử lý theo các Điều 299, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 để đảm bảo thi hành án.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ với chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng. Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T3 và bà M2 phải chịu tiền chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng B đã nộp tạm ứng số tiền này, nên ông T3 và bà M2 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng B số tiền 1.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng B không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện. Ông T3 và bà M2 phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 299, 320, 322, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2.

2. Buộc ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B (Do Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh An Giang đại diện) nhận số tiền 1.035.670.686 đồng (một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng) tạm tính đến ngày 10 tháng 8 năm 2020 (Trong đó: Tiền vốn gốc là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng); tiền lãi trong hạn là 6.874.521 đồng (sáu triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi một đồng); tiền lãi quá hạn là 116.462.466 đồng (một trăm mười sáu triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng); tiền lãi chậm trả là 12.333.699 đồng (mười hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng)).

3. Từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11 tháng 8 năm 2020) ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần B có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2 không thực hiện

nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì các tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đối với:

- Thửa đất tọa lạc tại ấp NL, xã M, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thửa số 5382, tờ bản đồ số 3, diện tích 4050m<sup>2</sup>, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01350 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 05 tháng 5 năm 2015 cho ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2.

- Thửa đất tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thửa số 4436, tờ bản đồ số 3, diện tích 4875m<sup>2</sup>, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01825 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22 tháng 5 năm 2015 cho ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2.

- Thửa đất tọa lạc tại ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thửa số 4435, tờ bản đồ số 3, diện tích 3376m<sup>2</sup>, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01868 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22 tháng 5 năm 2015 cho ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2.

- Thửa đất tọa lạc tại ấp Th, xã G, huyện C, tỉnh An Giang thuộc thửa số 274, tờ bản đồ số 70, diện tích 3635m<sup>2</sup>, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04729 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25 tháng 5 năm 2015 cho ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2.

Được xử lý theo quy định tại Điều 299, Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 để đảm bảo thi hành án.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2 có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B (do Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh An Giang đại diện) nhận chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng thương mại cổ phần B (do Ngân hàng thương mại cổ phần B – Chi nhánh An Giang đại diện) được nhận lại 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000832 ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Ông Huỳnh Duy T3 và bà Trần Kim M2 phải chịu 43.070.121 đồng (bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi nghìn một trăm hai mươi đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.



*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .*

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

**Nơi nhận:**

- TAND t. An Giang (1);
- VKSND tp. L (2);
- Chi cục THADS tp. L (1);
- Các đương sự (3);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thùy Giang**